

ĐỀ THI HẾT HỌC KÌ I BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC – ĐỀ SỐ 12**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN – LỚP 6****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Khoa học tự nhiên.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Khoa học tự nhiên.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Khoa học tự nhiên.

Câu 1: Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?

A. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của bàn bè trong lớp.

B. Có thể nhận biết hóa chất bằng cách ngửi hóa chất.

C. Mang đồ ăn vào phòng thực hành.

D. Đọc kỹ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.

Câu 2: Cách bảo quản kính lúp nào sau đây là đúng?

A. Không nên lau chùi, vệ sinh kính thường xuyên vì sẽ làm mặt kính bị xước.

B. Sử dụng nước sạch hoặc nước rửa kính chuyên dụng, lau kính bằng khăn mềm.

C. Có thể để mặt kính lúp tiếp xúc với các vật nhám, bẩn mà không sợ mờ kính.

D. Cả 3 cách trên đều đúng.

Câu 3: Khi sử dụng kính hiển vi để quan sát các vật nhỏ, người ta điều chỉnh theo cách nào sau đây?

A. Thay đổi khoảng cách giữa vật và vật kính bằng cách đưa toàn bộ ống kính lên hay xuống sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

B. Thay đổi khoảng cách giữa vật và vật kính bằng cách giữ nguyên toàn bộ ống kính, đưa vật lại gần vật kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

C. Thay đổi khoảng cách giữa vật kính và thị kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

D. Thay đổi khoảng cách giữa vật và thị kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

Câu 4: Đơn vị cơ bản đo thời gian trong hệ đo lường hợp pháp của nước ta là:

A. Giờ

B. Giây

C. Phút

D. Ngày

Câu 5: Người ta thường sử dụng dụng cụ nào sau đây để đo chiều dài của vật?

A. Thước thẳng, thước dây, thước đo độ

B. Thước kẹp, thước cuộn, thước dây

C. Compa, thước mét, thước đo độ

D. Thước kẹp, thước thẳng, compa

Câu 6: Người ta sử dụng dụng cụ nào để đo nhiệt độ?

- A. Nhiệt kế
- B. Tốc kế
- C. Cân
- D. Đồng hồ

Câu 7: Vật thể nào sau đây là vật thể nhân tạo?

- A. Rừng Amazon.
- B. Tháp rùa.
- C. Sông Hương.
- D. Núi Phú Sĩ.

Câu 8: Vật thể nào sau đây là vật sống?

- A. Cầu Long Biên.
- B. Cây đào.
- C. Dòng sông Hương.
- D. Cái bút.

Câu 9: Phát biểu nào dưới đây là đúng khi nói về những đặc điểm của chất rắn?

- A. Có khối lượng, hình dạng xác định, không có thể tích xác định.
- B. Có khối lượng xác định, hình dạng và thể tích không xác định.
- C. Có khối lượng, hình dạng, thể tích xác định.
- D. Có khối lượng xác định, hình dạng và thể tích không xác định.

Câu 10: Cho vào ngăn đông của tủ lạnh một cốc chứa nước và để yên trong 2 giờ thì cốc nước hóa đá. Quá trình chuyển thể này gọi là gì?

- A. Quá trình nóng chảy
- B. Quá trình bay hơi.
- C. Quá trình ngưng tụ.
- D. Quá trình đông đặc.

Câu 11: Hiện tượng một bể chứa nước bị cạn bớt đi sau một thời gian không sử dụng đến, là do hiện tượng nước bị:

- A. Bay hơi.
- B. Ngưng tụ.
- C. Đông đặc
- D. Nóng chảy.

Câu 12: Tính chất nào sau đây là tính chất của vật liệu bằng cao su?

- A. Dẫn điện.
- B. Có tính đàn hồi.
- C. Dễ bị ăn mòn
- D. Dẫn nhiệt.

Câu 13: Lipid có nhiều trong loại thực phẩm nào sau đây?

- A. Khoai lang.
- B. Thịt lợn.
- C. Cà rốt.
- D. Bắp cải

Câu 14: Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất vật lý?

- A. Sắt (Iron) bị nam châm hút.
- B. Đốt rác sinh ra khói bụi ô nhiễm.

C. Thức ăn để lâu ngày bị ôi thiu.

D. Sắt thép để lâu ngày bị gỉ sét.

Câu 15: Nhiên liệu nào sau đây không phải nhiên liệu hóa thạch?

A. Than đá.

B. Dầu mỏ.

C. Khí tự nhiên.

D. Ethanol.

Câu 16: Dãy nào dưới đây gồm các vật liệu?

A. Gốm, nhựa, cao su, thủy tinh.

B. Gốm, nhựa, xăng, gỗ.

C. Nhựa, xăng, dầu mỏ, cao su.

D. Quặng, dầu mỏ, cao su, thủy tinh.

Câu 17: Cho những chất sau, chất nào được xem là tinh khiết?

A. Nước đường.

B. Nước thu được sau khi chưng cất.

C. Nước biển.

D. Nước mưa.

Câu 18: Dãy chất nào gồm các chất tan được trong nước?

A. Bột sắn dây, bột mì, đá vôi.

B. Đường, khí oxygen, bột gạo.

C. Muối ăn, rượu, đường

D. Thạch cao, dầu ăn, đường.

Câu 19: Khi cho sắn dây vào nước và khuấy đều, ta thu được

A. nhũ tương.

B. huyền phù.

C. dung dịch.

D. dung môi.

Câu 20: Biện pháp nào duy trì nguồn cung cấp oxygen trong không khí?

A. Trồng cây gây rừng, chăm sóc cây xanh

B. Thải các chất khí thải ra môi trường không qua xử lí.

C. Đốt rừng làm rẫy.

D. Phá rừng để làm đồn điền, trang trại.

Câu 21: Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hóa học?

A. Hòa tan muối vào nước.

B. Đun nóng bát đựng muối đến khi có tiếng nổ lách tách.

C. Đun nóng đường ở thể rắn để chuyển sang đường ở thể lỏng.

D. Đun nóng đường đến khi xuất hiện chất màu đen

Câu 22: Phát biểu nào sau đây đúng về tính chất vật lí của oxygen?

A. Khí oxygen không tan trong nước.

B. Khí oxygen có màu đỏ.

C. Khí oxygen tồn tại ở thể lỏng ở điều kiện nhiệt độ bình thường.

D. Ở điều kiện nhiệt độ thường, oxygen là chất khí không màu, không mùi, không vị.

Câu 23: Hỗn hợp là:

A. dây đồng

B. nước đường.

C. dây nhôm.

D. nước

Câu 24: Trong dầu hỏa người ta thấy có lẫn cát và nước. Thực hiện lần lượt phương pháp nào sau đây để tách cát và nước ra khỏi dầu hỏa?

A. Dùng phương pháp lắng hoặc lọc để tách cát, sau đó dùng phương pháp chiết để tách dầu ra khỏi nước

B. Dùng phương pháp bay hơi để tách dầu và nước ra khỏi cát

C. Dùng phương pháp lọc để tách cát, sau đó dùng phương pháp bay hơi để tách dầu ra khỏi nước

D. Chỉ dùng phương pháp lọc.

Câu 25: Nằm ở giữa nhân (hoặc vùng nhân) và màng tế bào là thành phần nào?

A. Màng nhân.

B. Tế bào chất.

C. Thành tế bào.

D. Roi.

Câu 26: Đặc điểm của tế bào nhân thực là:

A. Có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.

B. Có thành tế bào.

C. Có chất tế bào.

D. Có lục lạp.

Câu 27: Khi tế bào lớn lên đến một kích thước nhất định sẽ tiến hành quá trình nào?

A. Sinh trưởng.

B. Sinh sản.

C. Thay thế.

D. Chết.

Câu 28: Khi một tế bào lớn lên và sinh sản sẽ có bao nhiêu tế bào mới hình thành?

A. 2 tế bào.

B. 4 tế bào.

C. 6 tế bào.

D. 8 tế bào.

Câu 29: Một tế bào sau khi trải qua 4 lần sinh sản liên tiếp sẽ tạo ra tất cả bao nhiêu tế bào con?

A. 4 tế bào.

B. 8 tế bào.

C. 12 tế bào.

D. 16 tế bào.

Câu 30: Cho các nhận định sau:

(1) Các loại tế bào đều có hình đa giác.

(2) Mọi sinh vật đều được cấu tạo từ đơn vị cơ bản là tế bào.

(3) Hầu hết các tế bào có thể quan sát được bằng mắt thường.

(4) Lốp biểu bì vảy hành được cấu tạo từ tế bào còn lá hành thì không.

Nhận định nào về tế bào là đúng?

- A. (1).
- B. (2).
- C. (3).
- D. (4).

Hướng dẫn lời giải chi tiết

Thực hiện: Ban chuyên môn của Loigiaihay

1D	2B	3A	4B	5B	6A	7B	8B	9C	10D
11A	12B	13B	14A	15D	16A	17B	18C	19B	20A
21D	22D	23B	24A	25B	26A	27A	28A	29D	30B

Câu 1: Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của bàn bè trong lớp.
- B. Có thể nhận biết hóa chất bằng cách ngửi hóa chất.
- C. Mang đồ ăn vào phòng thực hành.
- D. Đọc kỹ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.

Phương pháp giải:

Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc:

- Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của giáo viên
- Không ngửi hoặc nếm hóa chất
- Không mang đồ ăn vào phòng thực hành
- Đọc kỹ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.

Cách giải:

Đáp án: D

Câu 2: Cách bảo quản kính lúp nào sau đây là đúng?

- A. Không nên lau chùi, vệ sinh kính thường xuyên vì sẽ làm mặt kính bị xước.
- B. Sử dụng nước sạch hoặc nước rửa kính chuyên dụng, lau kính bằng khăn mềm.
- C. Có thể để mặt kính lúp tiếp xúc với các vật nhám, bẩn mà không sợ mờ kính.
- D. Cả 3 cách trên đều đúng.

Phương pháp giải:

Để bảo quản kính lúp ta nên:

- Lau chùi, vệ sinh kính thường xuyên bằng khăn mềm.
- Sử dụng nước sạch hoặc nước rửa kính chuyên dụng (nếu có).
- Không để mặt kính lúp tiếp xúc với các vật nhám, bẩn.

Cách giải:

Đáp án: B

Câu 3: Khi sử dụng kính hiển vi để quan sát các vật nhỏ, người ta điều chỉnh theo cách nào sau đây?

- A. Thay đổi khoảng cách giữa vật và vật kính bằng cách đưa toàn bộ ống kính lên hay xuống sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

B. Thay đổi khoảng cách giữa vật và vật kính bằng cách giữ nguyên toàn bộ ống kính, đưa vật lại gần vật kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

C. Thay đổi khoảng cách giữa vật kính và thị kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

D. Thay đổi khoảng cách giữa vật và thị kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

Phương pháp giải:

Khi sử dụng kính hiển vi để quan sát các vật nhỏ, người ta điều chỉnh theo cách thay đổi khoảng cách giữa vật và vật kính bằng cách đưa toàn bộ ống kính lên hay xuống sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

Cách giải:

Đáp án: A

Câu 4: Đơn vị cơ bản đo thời gian trong hệ đo lường hợp pháp của nước ta là:

A. Giờ

B. Giây

C. Phút

D. Ngày

Phương pháp giải:

Trong hệ đo lường hợp pháp của nước ta, đơn vị cơ bản đo thời gian là giây (s).

Cách giải:

Đáp án: B

Câu 5: Người ta thường sử dụng dụng cụ nào sau đây để đo chiều dài của vật?

A. Thước thẳng, thước dây, thước đo độ

B. Thước kẹp, thước cuộn, thước dây

C. Compa, thước mét, thước đo độ

D. Thước kẹp, thước thẳng, compa

Phương pháp giải:

Người ta thường sử dụng dụng cụ để đo chiều dài của vật là thước kẹp, thước cuộn, thước dây.

Cách giải:

Đáp án: B

Câu 6: Người ta sử dụng dụng cụ nào để đo nhiệt độ?

A. Nhiệt kế

B. Tốc kế

C. Cân

D. Đồng hồ

Phương pháp giải:

A – Đúng

B – Đo vận tốc

C – Đo khối lượng

D – Đo thời gian

Cách giải:

Đáp án: A

Câu 7: Vật thể nào sau đây là vật thể nhân tạo?

A. Rừng Amazon.

B. Tháp rùa.

C. Sông Hương.

D. Núi Phú Sĩ.

Phương pháp giải:

Vật thể nhân tạo là do con người tạo ra

Cách giải:

Tháp rùa do con người xây dựng

Đáp án B

Câu 8: Vật thể nào sau đây là vật sống?

A. Cầu Long Biên.

B. Cây đào.

C. Dòng sông Hương.

D. Cái bút.

Phương pháp giải:

Vật sống là vật thể có đặc điểm như trao đổi, sinh trưởng, phát triển....

Cách giải:

Cây đào là vật sống

Đáp án B

Câu 9: Phát biểu nào dưới đây là đúng khi nói về những đặc điểm của chất rắn?

A. Có khối lượng, hình dạng xác định, không có thể tích xác định.

B. Có khối lượng xác định, hình dạng và thể tích không xác định.

C. Có khối lượng, hình dạng, thể tích xác định.

D. Có khối lượng xác định, hình dạng và thể tích không xác định.

Phương pháp giải:

Dựa vào đặc điểm của chất rắn

Cách giải:

Chất rắn có khối lượng, hình dạng, thể tích xác định

Đáp án C

Câu 10: Cho vào ngăn đông của tủ lạnh một cốc chứa nước và để yên trong 2 giờ thì cốc nước hóa đá. Quá trình chuyển thể này gọi là gì?

A. Quá trình nóng chảy

B. Quá trình bay hơi.

C. Quá trình ngưng tụ.

D. Quá trình đông đặc.

Phương pháp giải:

Dựa vào sự chuyển thể của chất

Cách giải:

Quá trình nước để ngăn đá tạo thành cục đá là quá trình đông đặc

Đáp án D

Câu 11: Hiện tượng một bể chứa nước bị cạn bớt đi sau một thời gian không sử dụng đến, là do hiện tượng nước bị:

A. Bay hơi.

B. Ngưng tụ.

C. Đông đặc

D. Nóng chảy.

Phương pháp giải:

Dựa vào sự chuyển thể của chất

Cách giải:

Nước bị bay hơi khỏi bề chứa

Đáp án A

Câu 12: Tính chất nào sau đây là tính chất của vật liệu bằng cao su?

A. Dẫn điện.

B. Có tính đàn hồi.

C. Dễ bị ăn mòn

D. Dẫn nhiệt.

Phương pháp giải:

Dựa vào tính chất của vật liệu

Cách giải:

Vật liệu cao su có tính đàn hồi

Đáp án B

Câu 13: Lipid có nhiều trong loại thực phẩm nào sau đây?

A. Khoai lang.

B. Thịt lợn.

C. Cà rốt.

D. Bắp cải

Phương pháp giải:

Lipid là chất béo có nhiều trong thịt, trứng, mỡ,...

Cách giải:

Đáp án B

Câu 14: Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất vật lý?

A. Sắt (Iron) bị nam châm hút.

B. Đốt rác sinh ra khói bụi ô nhiễm.

C. Thức ăn để lâu ngày bị ôi thiu.

D. Sắt thép để lâu ngày bị gỉ sét.

Phương pháp giải:

Dựa vào đặc điểm của tính chất vật lí

Cách giải:

Sắt (iron) bị nam châm hút do có tính nhiễm từ

Đáp án A

Câu 15: Nhiên liệu nào sau đây không phải nhiên liệu hóa thạch?

A. Than đá.

B. Dầu mỏ.

C. Khí tự nhiên.

D. Ethanol.

Phương pháp giải:

Nhiên liệu hóa thạch là nhiên liệu không thể tái tạo.

Cách giải:

Ethanol là nhiên liệu con người có thể sản xuất

Đáp án D

Câu 16: Dãy nào dưới đây gồm các vật liệu?

A. Gốm, nhựa, cao su, thủy tinh.

- B. Gôm, nhựa, xăng, gỗ.
- C. Nhựa, xăng, dầu mỡ, cao su.
- D. Quặng, dầu mỡ, cao su, thủy tinh.

Phương pháp giải:

Dựa vào khái niệm của vật liệu

Cách giải:

Vật liệu: gôm, nhựa, cao su, thủy tinh

Đáp án A

Câu 17: Cho những chất sau, chất nào được xem là tinh khiết?

- A. Nước đường.
- B. Nước thu được sau khi chưng cất.
- C. Nước biển.
- D. Nước mưa.

Phương pháp giải:

Chất tinh khiết được tạo từ 1 chất

Cách giải:

Nước thu được sau khi chưng cất là nước cất

Đáp án B

Câu 18: Dãy chất nào gồm các chất tan được trong nước?

- A. Bột sắn dây, bột mì, đá vôi.
- B. Đường, khí oxygen, bột gạo.
- C. Muối ăn, rượu, đường
- D. Thạch cao, dầu ăn, đường.

Phương pháp giải:

Chất tan được trong nước tạo thành dung dịch

Cách giải:

Muối ăn, rượu, đường tan được trong nước

Đáp án C

Câu 19: Khi cho sắn dây vào nước và khuấy đều, ta thu được

- A. nhũ tương.
- B. huyền phù.
- C. dung dịch.
- D. dung môi.

Phương pháp giải:

Dựa vào định nghĩa huyền phù

Cách giải:

Khi cho sắn dây vào nước và khuấy lên sắn dây không tan trong nước mà lơ lửng trong nước tạo thành huyền phù

Đáp án B

Câu 20: Biện pháp nào duy trì nguồn cung cấp oxygen trong không khí?

- A. Trồng cây gây rừng, chăm sóc cây xanh
- B. Thải các chất khí thải ra môi trường không qua xử lí.
- C. Đốt rừng làm rẫy.
- D. Phá rừng để làm đồn điền, trang trại.

Phương pháp giải

Dựa vào kiến thức về khí oxygen

Lời giải chi tiết

Cây xanh quang hợp sinh ra khí oxygen nên biện pháp trồng cây gây rừng, chăm sóc cây xanh là nguồn cung cấp oxygen trong không khí

Đáp án A

Câu 21: Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hóa học?

- A. Hòa tan muối vào nước.
- B. Đun nóng bát đựng muối đến khi có tiếng nổ lách tách.
- C. Đun nóng đường ở thể rắn để chuyển sang đường ở thể lỏng.
- D. Đun nóng đường đến khi xuất hiện chất màu đen

Phương pháp giải:

Dựa vào đặc điểm của tính chất hóa học

Cách giải:

Đun nóng đường đến khi xuất hiện chất màu đen, lúc này đường đã biến đổi thành chất khác

Đáp án D

Câu 22: Phát biểu nào sau đây đúng về tính chất vật lí của oxygen?

- A. Khí oxygen không tan trong nước.
- B. Khí oxygen có màu đỏ.
- C. Khí oxygen tồn tại ở thể lỏng ở điều kiện nhiệt độ bình thường.
- D. Ở điều kiện nhiệt độ thường, oxygen là chất khí không màu, không mùi, không vị.

Phương pháp giải:

Dựa vào tính chất vật lí của oxygen

Cách giải:

Khí oxygen ở điều kiện nhiệt độ thường, là chất khí không màu, không mùi, không vị

Đáp án D

Câu 23: Hỗn hợp là:

- A. dây đồng
- B. nước đường.
- C. dây nhôm.
- D. nước

Phương pháp giải:

Hỗn hợp là hai hay nhiều chất trộn vào nhau.

Cách giải:

Nước đường là hỗn hợp của đường và nước

Đáp án B

Câu 24: Trong dầu hỏa người ta thấy có lẫn cát và nước. Thực hiện lần lượt phương pháp nào sau đây để tách cát và nước ra khỏi dầu hỏa?

- A. Dùng phương pháp lắng hoặc lọc để tách cát, sau đó dùng phương pháp chiết để tách dầu ra khỏi nước
- B. Dùng phương pháp bay hơi để tách dầu và nước ra khỏi cát
- C. Dùng phương pháp lọc để tách cát, sau đó dùng phương pháp bay hơi để tách dầu ra khỏi nước
- D. Chỉ dùng phương pháp lọc.

Phương pháp giải:

Dựa vào các phương pháp tách hỗn hợp

Cách giải:

Dùng phương pháp lắng hoặc lọc để tách cát, sau đó dùng phương pháp chiết để tách dầu ra khỏi nước

Đáp án A

Câu 25: Nằm ở giữa nhân (hoặc vùng nhân) và màng tế bào là thành phần nào?

- A. Màng nhân.
- B. Tế bào chất.
- C. Thành tế bào.
- D. Roi.

Phương pháp giải:

Nằm ở giữa nhân (hoặc vùng nhân) và màng tế bào là tế bào chất.

Cách giải:

Đáp án B.

Câu 26: Đặc điểm của tế bào nhân thực là:

- A. Có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.
- B. Có thành tế bào.
- C. Có chất tế bào.
- D. Có lục lạp.

Phương pháp giải:

Đặc điểm của tế bào nhân thực là có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.

Cách giải:

Đáp án A.

Câu 27: Khi tế bào lớn lên đến một kích thước nhất định sẽ tiến hành quá trình nào?

- A. Sinh trưởng.
- B. Sinh sản.
- C. Thay thế.
- D. Chết.

Phương pháp giải:

Khi tế bào lớn lên đến một kích thước nhất định sẽ tiến hành quá trình sinh sản.

Cách giải:

Đáp án A.

Câu 28: Khi một tế bào lớn lên và sinh sản sẽ có bao nhiêu tế bào mới hình thành?

- A. 2 tế bào.
- B. 4 tế bào.
- C. 6 tế bào.
- D. 8 tế bào.

Phương pháp giải:

Khi một tế bào lớn lên và sinh sản sẽ có 2 tế bào mới hình thành

Cách giải:

Đáp án A.

Câu 29: Một tế bào sau khi trải qua 4 lần sinh sản liên tiếp sẽ tạo ra tất cả bao nhiêu tế bào con?

- A. 4 tế bào.
- B. 8 tế bào.
- C. 12 tế bào.
- D. 16 tế bào.

Phương pháp giải:

Một tế bào sau khi trải qua 4 lần sinh sản liên tiếp sẽ tạo ra tất cả 16 tế bào con.

Cách giải:

Đáp án D.

Câu 30: Cho các nhận định sau:

- (1) Các loại tế bào đều có hình đa giác.
- (2) Mọi sinh vật đều được cấu tạo từ đơn vị cơ bản là tế bào.
- (3) Hầu hết các tế bào có thể quan sát được bằng mắt thường.
- (4) Lớp biểu bì vảy hành được cấu tạo từ tế bào còn lá hành thì không.

Nhận định nào về tế bào là đúng?

- A. (1).
- B. (2).
- C. (3).
- D. (4).

Phương pháp giải:

(2) Mọi sinh vật đều được cấu tạo từ đơn vị cơ bản là tế bào.

Cách giải:

Đáp án B.